

1. Hiện trạng tài nguyên đất .

Vùng hồ thủy điện Hòa Bình bao gồm 18 xã thuộc các huyện Đà Bắc, Mai Châu, Kỳ Sơn, Tân Lạc và thị xã Hòa Bình. Đây là toàn bộ diện tích đất dốc nằm kề cận với hồ - nơi được xác định là có vai trò quan trọng trong việc cung cấp nguồn nước, điều tiết dòng chảy và ngăn cản xói mòn làm bồi lấp lòng hồ, kéo dài thời gian sử dụng của công trình thủy điện Hòa Bình.

Các xã trong vùng hồ thủy điện Hòa Bình phần lớn thuộc vùng núi sâu và xa. Đồng bào chủ yếu là dân tộc ít người. Theo số liệu năm 1996, vùng có 31 500 nhân khẩu, trong đó là người Mường đông nhất (56,65%), người Tày (21,21%) và người Dao, phân bố thưa thớt.

Trước đây, vào những năm đầu thế kỷ XX dân số trong khu vực có khoảng trên dưới 10 nghìn người. Cuộc sống của người dân trong nhiều thập kỷ chủ yếu dựa vào nương rẫy và săn bắn, tuy cuộc sống lạc hậu, song ổn định, tồn tại qua nhiều thế hệ. Diện tích rừng luôn ổn định khoảng 60%.

Sau hoà bình lập lại, với sự giúp đỡ của Nhà nước, người dân các dân tộc đã khai hoang, xây dựng hệ thống ruộng nước chừng 2000 ha cấy mỗi năm một và hai vụ. Nguồn sống của đồng bào tăng lên nhờ kết hợp được canh tác ruộng nước với gieo trồng nương rẫy, khai thác các lâm sản, chăn nuôi gia súc v.v... Vào những năm 60, do dân số gia tăng và hoạt động của các lâm trường trong khu vực, việc khai thác rừng và hoạt động nương rẫy đã làm cho diện tích rừng bị giảm nhanh chóng. Nương rẫy ngày càng cao và xa, ruộng nước dần dần trở thành nguồn sống chủ yếu của người dân.

Vào những năm 1986,1987, để chuẩn bị cho ngăn đập, Nhà nước đã có kế hoạch sơ tán dân khỏi vùng ngập nước. Phần lớn dân cư trong khu vực đã chuyển lên cao, sát nhập với các bản cũ hoặc hình thành các bản mới. Với người dân tái định cư, ruộng nước không còn, họ đã quay trở lại với canh tác nương rẫy và khai thác lâm sản trong rừng tự nhiên. Mức độ khai thác rừng và nương rẫy tăng nhanh. Mỗi năm có tới hàng nghìn hecta rừng các loại chuyển thành nương rẫy, đồng thời cũng có gần ấy diện tích bị chuyển từ nương rẫy thành đất trồng đồi trọc. Hoàn cảnh kinh tế của người dân cũng mỗi ngày một giảm sút. Theo những điều tra mới nhất ở vùng hồ Hòa Bình có tới 40% số hộ thiếu ăn từ 2-3 tháng, 20% trên bốn tháng.

Từ những năm 1994-1995 về cơ bản, Nhà nước đã thực hiện xong chính sách giao đất giao rừng. Phần lớn các gia đình đều được giao các loại đất và rừng để bảo vệ, trồng rừng phòng hộ. Tuy nhiên, vì thiếu những chính sách phù hợp với hoàn cảnh địa phương, nên hiệu quả của việc giao đất

GIẢI PHÁP CHÍNH SÁCH CHO SỬ DỤNG ĐẤT BỀN VỮNG Ở VÙNG HÒA BÌNH

NGUYỄN QUANG TUẤN

Viện nghiên cứu chiến lược và chính sách KH&CN, Bộ KH, CN&MT

VƯƠNG VĂN QUỲNH

Đại học lâm nghiệp, Bộ giáo dục và đào tạo

Tài nguyên đất và rừng ở vùng thủy điện Hòa Bình ngày càng bị suy giảm. Nâng cao tài nguyên rừng và đất rừng nơi đây để bảo vệ môi trường sinh thái và nâng cao tuổi thọ Nhà máy thủy điện Hòa Bình là một việc làm cần thiết, cấp bách đồng thời mang tính chiến lược, lâu dài. Những phân tích hiện trạng, nguyên nhân và các giải pháp của các tác giả rất cần được sự quan tâm của các nhà quản lý các cấp.

khoán rừng còn rất hạn chế. Nương rẫy bị nghiêm cấm, rừng không được phép khai thác, vì vậy người dân chưa cảm nhận được quyền sở hữu của mình trên các diện tích rừng và đất được giao. Trong thời kỳ này hoạt động nương rẫy không có kế hoạch và khai thác rừng trái phép vẫn không ngừng làm suy giảm tài nguyên.

Số liệu bảng 1 cho thấy trong khu vực có rất ít ruộng nước (394 ha), bình quân là 130m²/người, trong đó có tới 2/3 là ruộng một vụ. Tuy nhiên, tiềm năng đất đai nói chung của khu vực là tương đối cao, trên 2 ha

với trình độ thâm canh tốt, với 0,25 ha cũng đủ công việc cho một lao động làm việc suốt năm và nuôi sống họ (Fiebigler, 1993). Như vậy, với tiềm năng đất hiện có, vùng lòng hồ có thể nuôi sống tới khoảng 5 lần dân số hiện nay.

Độ phì đất trong khu vực tương đối cao. Độ dày tầng đất phần lớn dày trên 80cm, hàm lượng mùn ở những nơi thấp nhất như đất trồng đồi trọc cũng vượt quá 3%. Đất có thể là nghèo xấu với những loài cây nông nghiệp, nhưng thực sự vẫn là những lập địa thuận lợi để phát triển nhiều loài cây rừng, cây công

Bảng 1. Diện tích các loại đất đai ở vùng hồ Hòa Bình. Loại đất đai Diện tích

Loại đất đai	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích/ người (ha/người)
Tổng diện tích	67470	100	2,142
Đất có rừng trên núi đất	11650	17	0,370
Đất có rừng trên núi đá vôi	7887	12	0,250
Đất trồng đồi trọc	27837	41	0,884
Đất nương rẫy	4846	7	0,154
Đất ruộng nước	394	1	0,013
Đất thổ cư và giao thông	1746	3	0,055
Đất mặt nước và đất khác	13110	19	0,416
Đất có tiềm năng sản xuất	44727	66	1,421

đầu người. Ở một số xã thưa dân như Ngòi Hoa, Vây Nưa, Đồng Ruộng v.v... có thể đến 3-4ha. Diện tích đất có tiềm năng cho sản xuất, bao gồm toàn bộ đất rừng, đất trồng đồi trọc có thể phục hồi và đất nông nghiệp hiện tại, cũng rất đáng kể. Tính bình quân xấp xỉ tới 1,4 ha/ người. Mà theo những nghiên cứu lâm nghiệp xã hội thì trong điều kiện đất dốc

ng nghiệp, cây ăn quả, cây dược liệu và những loại đặc sản khác.

Tuy nhiên, tài nguyên rừng ở vùng hồ thủy điện Hòa Bình thực sự là nghèo nàn. Số liệu (bảng 2) cho thấy tổng diện tích rừng chiếm 29% diện tích tự nhiên. Tuy nhiên rừng giàu chỉ còn 1,4%, rừng trung bình 1,7%, còn lại phần lớn là rừng núi đá, rừng phục hồi và

rừng nghèo.

2. Sử dụng tài nguyên đất.

Nhìn chung, ở vùng hồ Hòa Bình hầu hết các hình thức canh tác đều mang tính quảng canh, đầu tư thấp không có biện pháp bảo vệ đất. Thực trạng đó thể hiện ở mọi diện tích canh tác khác nhau từ vườn, ruộng đến các

ngô và lúa nương. Năng suất hiện tại trên đất nương rẫy rất thấp, khoảng 600 kg - 700 kg/ha, và chỉ canh tác liên tục được từ 1-2 năm. Sau đó đất phải bỏ hoá. Trước đây thời gian bỏ hoá thường vài chục năm đến hàng trăm năm; nhưng ngày nay chỉ 10-15 năm, thậm chí ít hơn. Đất chưa kịp phục hồi đã lại bị xói mòn mạnh lặp lại.

Đây là nguyên nhân làm cho đất ngày càng bị thoái hoá và diện tích đất trống đồi trọc trong khu vực không ngừng tăng lên.

Trước đây rừng trồng vùng xung yếu hồ thủy điện Hoà Bình chủ yếu được các

lâm trường xây dựng. Trong những năm gần đây, với sự ủng hộ của các dự án PAM, dự án xoá đói giảm nghèo 327, dự án ổn định dân cư - phát triển kinh tế - xã hội 747 v. v... người dân vùng hồ thủy điện Hoà Bình cũng đã trồng được những diện tích rừng nhất định trên các sườn dốc. Tuy nhiên, phần lớn rừng trồng là rừng thuần loại, một tầng mang tính chất của những hệ sinh thái không bền vững.

Hiệu quả kinh tế của rừng trồng không cao. Trừ một số rừng luồng trồng có khả năng thu nhập đáng kể, còn lại phần lớn các rừng trồng có trữ, sản lượng thấp. Rừng bạch đàn và rừng keo sinh trưởng kém, trữ lượng sau 5 năm trồng chừng 20-40m³/ha, khả năng tiêu thụ khó khăn. Rừng trẩu là rừng trồng mục đích lấy quả nhưng sản lượng thấp và rất bấp bênh, rất khó trở thành hàng hoá.

Nhìn chung, ở vùng hồ Hòa Bình, canh tác trên hầu hết các diện tích đều mang tính quảng canh, đầu tư thấp và không có biện pháp bảo vệ đất. Việc quản lý và sử dụng đất đai chẳng những không có hiệu quả để ổn định cuộc sống của người dân địa phương, mà còn làm suy giảm điều kiện môi trường sinh thái, đe dọa sự an toàn của công trình thủy điện Hoà Bình.

3. Những yếu tố làm giảm hiệu quả sử dụng đất.

Phân tích những nhân tố có ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng đất ở vùng xung yếu hồ thủy điện Hoà Bình đã cho thấy một số nguyên nhân sau.

* Tình trạng dân trí thấp.

Trong 18 xã lòng hồ có những xã như Đồng Ruộng, Yên Hoà, Ngòi Hoa, Vây Nưa, Tiên Phong v.v. mang những đặc điểm của vùng sâu, vùng xa. Tình trung bình toàn khu vực hiện còn khoảng 20% dân số không biết nói tiếng phổ thông, 40% không biết đọc, biết

viết, chỉ 5%-10% hết phổ thông cơ sở. Ở những xã vùng cao còn trên 30 % số gia đình không biết kỹ thuật nuôi lợn với đầu tư cao, 40% số hộ gia đình không biết kỹ thuật trồng lúa nước, nhiều gia đình không biết sử dụng phân bón và thuốc trừ sâu.

Những cuộc phỏng vấn cho thấy điều kiện tiếp cận của người dân với tiến bộ khoa học, kỹ thuật của sản xuất rất khó khăn. Dân trí thấp và kinh tế kém phát triển, cơ sở hạ tầng nghèo nàn đã ngăn cản sự giao lưu kinh tế văn hoá và cập nhật những kiến thức khoa học, công nghệ vào khu vực, trong đó có công nghệ sử dụng đất và tài nguyên sinh học.

* Đời sống khó khăn của giai đoạn đầu tái định cư.

Quy luật tất yếu ở những khu vực như hồ Hòa Bình là phải thực hiện quá trình tái định cư của những người dân từ vùng sống thuận lợi dưới các thung lũng, nhưng nay bị ngập nước, lên các vùng cao hoặc vùng xa khác. Sự thay đổi đặc điểm tài nguyên, đặc điểm quan hệ xã hội và những điều kiện sống khác đã làm cho người dân phải trải qua một thời gian để thích nghi với hoàn cảnh mới. Việc thiếu hiểu biết, thiếu kinh nghiệm trong việc quản lý và sử dụng những tài nguyên mới được tiếp nhận thường dẫn đến sử dụng chúng không hiệu quả gây ảnh hưởng xấu đến các vấn đề kinh tế, xã hội và môi trường khu vực.

* Người dân chưa quen với việc canh tác cố định trên đất dốc.

Một hiện tượng phổ biến hiện nay ở vùng hồ Hoà Bình là thiếu nước để canh tác. Mặc dù dưới hồ nước mênh mông, nhưng lên trên mặt nước chừng một vài chục mét là tình trạng thiếu nước triền miên. Trong nhiều trường hợp nước không chỉ thiếu cho trồng trọt mà còn ngay cả cho nhu cầu sinh hoạt của con người. Thực chất đây là những sườn núi trước kia nơi kiến tạo địa tầng và địa mạo không thuận lợi cho tích nước như ở dưới chân núi và thung lũng. Khả năng tích nước rất kém và độ dốc cao của địa hình không cho phép thực hiện những phương thức canh tác ruộng nước. Những buổi đầu sau tái định cư người dân đã áp dụng chủ yếu là canh tác nương rẫy. Nhưng đây là phương thức canh tác không bền vững. Nó đã làm đất ngày càng thoái hoá và điều kiện sống ngày một khó khăn hơn. Sản xuất bền vững trong điều kiện không có ruộng nước là một đặc điểm cần nghiên cứu hỗ trợ trong phát triển kinh tế xã hội vùng lòng hồ.

4. Một số tồn tại trong thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

Những chính sách kinh tế xã hội lớn đã được thực hiện ở vùng xung yếu hồ thủy điện Hoà Bình gồm các chính sách: Giao đất

Bảng 2. Tình hình tài nguyên rừng ở vùng hồ thủy điện Hoà Bình

Loại rừng	Diện tích (ha)	Tỷ lệ % so với diện tích tự nhiên
Tổng	19537	29,00
Rừng giàu	973	1,40
Rừng trung bình	1155	1,70
Rừng nghèo	1938	2,90
Rừng phục hồi	4915	7,40
Rừng trồng	2669	4,00
Rừng núi đá	7887	11,70

loại đất nương rẫy.

Hoạt động làm vườn trong khu vực kém phát triển. Có đến 1/3 số hộ không có vườn. Ở những hộ gia đình có vườn thường chỉ trồng một số loài cây ăn quả và rau, tất cả đều chưa thành hàng hóa. Tập quán chăn nuôi súc vật thả rông là nguyên nhân chính hạn chế hoạt động làm vườn trong khu vực. Trong những năm gần đây với sự giúp đỡ của các dự án, người ta bắt đầu trồng những loài cây ăn quả. Tuy nhiên kết quả kinh tế vườn còn rất hạn chế. Một số loài cây trồng chưa đáp ứng đúng yêu cầu của thị trường. Những nguyên nhân một phần là do loài cây trồng được hỗ trợ chưa phù hợp với yêu cầu của thị trường, một phần do người dân chưa đủ kiến thức và kinh nghiệm để chủ động lựa chọn được giống có phẩm chất tốt, cũng như chưa nắm được kỹ thuật làm vườn từ chọn, bảo quản giống, chọn đất, trồng, đến chăm sóc, phòng chống sâu bệnh, v. v...

Trên đất màu - đất canh tác tương đối ổn định ở nơi có độ dốc thấp ven các khe suối - người dân chủ yếu trồng các loài cây lương thực như sắn, ngô, khoai lang, khoai sọ, củ từ ... Ngoài ra, một số loài rau cũng được trồng như đậu, bí xanh, bí đỏ ... Trên đất màu, chủ yếu trồng theo hình thức quảng canh; vì vậy, năng suất cây trồng thấp. Thu nhập bình quân trên đất màu các loại quy đổi không quá 2 triệu đồng mỗi năm. Đất mỗi ngày một nghèo kiệt, năng suất thực vật mỗi ngày một giảm sút.

Ở vùng hồ Hòa Bình, hoạt động nương rẫy bị cấm nhưng ở những nơi xa khó kiểm soát người dân vẫn tự ý phá rừng làm nương rẫy, còn ở những nơi dễ bị kiểm soát thì người dân lợi dụng việc đốt thực bì khi dọn đất trồng rừng để tạo đất làm nương. Những cây trồng chủ yếu trên đất nương rẫy là sắn,

khoản rừng, khuyến khích sử dụng đất trồng đồi trọc 327, ổn định dân cư, phát triển kinh tế xã hội 747 v.v... Mặc dù các chính sách đã có ý nghĩa quan trọng thúc đẩy quá trình phát triển của khu vực, nhưng cũng còn bộc lộ nhiều tồn tại trong quá trình thực hiện:

- Thủ tục giao đất đơn giản, trong một số trường hợp là tác trách. Người dân trong quá trình nhận đất không phải chi phí bất kỳ một khoản nào, thậm chí không phải mất công đi xác nhận ranh giới. Khi được phỏng vấn, nhiều gia đình còn chưa rõ ranh giới rừng và đất rừng của nhà mình. Những cán bộ giao đất cũng chỉ biết nói một cách ước chừng trên bản đồ. Việc giao đất gần như "cho không" làm cho người dân không nhận thức được giá trị của rừng. Việc chia đất như một hoạt động mà Nhà nước ban phát đất đai và tài nguyên trên đó cho mọi người. Còn người dân thì sử dụng tài nguyên ấy như sử dụng một món quà tặng. Họ sử dụng trong khi không nhận thức được đầy đủ giá trị của tài nguyên, không quý tài nguyên, phung phí hơn. Họ dễ dàng chia sẻ quyền sử dụng tài nguyên một cách phung phí ấy với những người anh em, họ hàng, xóm giềng, và cả những người ít quen biết. Họ cũng không quyết liệt bảo vệ tài nguyên được giao mỗi khi bị người khác xâm phạm. Rừng, đất cũng như những tài nguyên môi trường khác trong khu vực rất khan hiếm, nhưng nó vẫn đang bị sử dụng một cách cực kỳ lãng phí.

- Không có những chính sách đồng bộ cùng với giao đất giao rừng để có thể đảm bảo tính cưỡng chế của sở hữu. Hiện nay vẫn không có những quy định về phân loại đất dốc, hay những quy định chung ở cấp thôn bản để định hướng cho người dân áp dụng các phương thức canh tác bảo vệ đất phù hợp theo điều kiện cụ thể của từng diện tích đất đai, không có những quy định cụ thể về thưởng, phạt với việc sử dụng rừng và đất rừng dẫn đến huỷ hoại và suy thoái chúng. Mặt khác, chính quyền và cộng đồng cũng chưa có những luật lệ đủ mạnh để ngăn cản sự xâm phạm quyền sở hữu rừng và đất rừng cũng như các loại tài nguyên khác của người dân. Nó chẳng những đã ngăn trở ý thức đầu tư cho bảo vệ, phát triển rừng và đất rừng, mà ngược lại, trong một số trường hợp còn đẩy người dân đến sử dụng lãng phí hơn, với cường độ cao hơn những đất và rừng đã được giao.

- Quyền hưởng dụng đất và rừng chưa rõ ràng. Mặc dù đã được giao đất và rừng, nhưng những quy định về quyền lợi và trách nhiệm của người nhận đất vẫn không rõ ràng. Một số quy định của nhà nước đối với người nhận đất, nhận rừng không được thông tin đầy đủ hoặc bị thông tin một cách sai lệch đến người dân. Những điều này làm cho người

dân cảm thấy quyền sở hữu tài nguyên của mình còn rất "mỏng manh". Do đó họ không quan tâm nhiều đến đầu tư bảo vệ và phát triển tài nguyên, mà ngược lại, đôi khi còn thờ ơ với quyền sở hữu của mình.

- Những chính sách đi kèm với giao đất, giao rừng không đầy hình thành giá cả của chúng. Rừng và đất rừng vừa là tài nguyên vừa là tư liệu sản xuất cực kỳ quan trọng, ngày càng quý hiếm hơn. Song ở vùng hồ thủy điện Hoà Bình chúng lại gần như không có giá. Nguyên nhân một phần là do tính tự do tiếp cận của tài nguyên, tính không rõ ràng của quyền sở hữu tài nguyên, một phần là do những sản phẩm có giá trị được tạo ra trên diện tích rừng và đất rừng còn chưa được xã hội thừa nhận và định giá. Rừng và đất rừng có giá trị sinh thái to lớn v.v... Những giá trị ấy chính là sản phẩm sinh thái của rừng và đất rừng, nó có thể gấp nhiều lần những giá trị hiện vật như gỗ, củi hay một số lâm sản khác lấy được từ rừng và đất rừng. Tuy nhiên, cho đến nay thì những sản phẩm sinh thái đó vẫn không có giá và những người sản xuất ra thì không được thù lao, còn người sử dụng nó cũng không phải ghi vào bất cứ hạch toán nào. Nếu tất cả những người đang hưởng lợi từ tác dụng sinh thái của rừng và đất rừng đều có nghĩa vụ đóng góp cho việc bảo vệ và phát triển rừng, và tất cả những người tham gia bảo vệ và phát triển rừng đều được nhận những khoản thù lao tương xứng với giá trị sinh thái mà mình tạo ra, thì chắc chắn rừng và đất rừng sẽ trở thành hàng hoá đất giá, và người dân sẽ không còn thờ ơ với diện tích rừng được giao, cũng như không ngần ngại khi đầu tư công sức, tiền vốn cho bảo vệ phát triển rừng.

- Thuế tài nguyên không được xác định đúng. Trong vùng hồ thủy điện Hoà Bình cũng như nhiều nơi khác ở miền núi Nhà nước không tính thuế sử dụng đất và rừng. Gần như toàn bộ ruộng và nương rẫy đều được miễn thuế. Nương rẫy là loại đất có thể mở rộng, hoặc sử dụng cạn kiệt mà lại không phải chịu thuế, nên trong thực tế người ta không ngần ngại tăng cường sử dụng đất nương rẫy, dù năng suất không cao, dù đất có bị hư hỏng đi. Trong thực tế việc miễn thuế đất nông nghiệp là một hình thức hỗ trợ kinh tế cho người dân. Tuy nhiên, đây là hình thức hỗ trợ khuyến khích họ đến gia tăng sử dụng không hiệu quả đất đai.

- Thị trường tiền vốn không thích hợp. Giảm lãi suất ngân hàng với các hoạt động phát triển sản xuất ở vùng núi là một chủ trương lớn trong chính sách kinh tế vĩ mô của nhà nước nhằm vào bảo vệ và phát triển các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Tuy nhiên, trong một số trường hợp có thể nhận thấy tác dụng ngược của nó. Chẳng hạn, về hình thức

thì việc giảm lãi suất vay vốn cho trồng rừng và việc kích thích hoạt động trồng rừng là có liên hệ với nhau. Số tiền cho vay trồng rừng càng cao thì diện tích rừng trồng được càng lớn. Nhưng số tiền cho vay trồng rừng có thể không liên quan với chất lượng rừng trồng tạo ra, và càng ít liên quan với những sản phẩm do rừng tạo ra. Để kích thích các hoạt động bảo vệ và phát triển tài nguyên, việc tính đúng và thanh toán đủ cho người dân những giá trị sản phẩm mà họ sáng tạo ra sẽ hữu hiệu hơn là việc cho giảm lãi suất vay hoặc bất kỳ hình thức hỗ trợ kinh tế nào khác. Khi được tính đúng và thanh toán hợp lý, kịp thời những giá trị sản phẩm mà người dân đã tạo ra cho xã hội thì họ sẽ tích cực bằng mọi cách để sáng tạo ra những sản phẩm đó, cho dù không được hỗ trợ về kinh tế, cho dù lãi suất vay có cao hơn.

- Hỗ trợ của các dự án phát triển kinh tế chưa đúng với điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội nhân văn địa phương. Những kinh nghiệm địa phương là cực kỳ cần thiết cho quá trình hoạt động sản xuất. Khi khai thác những thế mạnh về kinh tế trong vùng, như trồng cây ăn quả, trồng rừng, phát triển nông lâm kết hợp v.v... thì phương hướng đầu tư dựa trên sự phát huy những kiến thức truyền thống địa phương với việc phổ cập kiến thức mới. Nên giúp họ trực tiếp tham gia vào nghiên cứu áp dụng những tiến bộ kỹ thuật trong những ngành sản xuất truyền thống cũng như những ngành mới đang được dự án hỗ trợ. Ví dụ việc đầu tư cho hoạt động trồng rừng đã ít chú ý đến phát triển những cây bản địa mà chủ yếu là các loại cây nhập nội. Vì vậy, đầu tư trồng rừng trong thời gian qua trong nhiều trường hợp không chỉ làm giảm diện tích các thảm thực vật tự nhiên có khả năng phòng hộ tốt, mà còn làm cho đất bị thoái hoá nhanh chóng.

5. Một số giải pháp chính sách.

Phân tích những điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội, hiệu quả những chính sách đã áp dụng, thăm dò nguyện vọng của người dân có thể đi đến một số khuyến nghị về các giải pháp chính sách bổ sung nhằm sử dụng đất bền vững ở vùng hồ Hòa Bình:

* *Hỗ trợ cho những nghiên cứu tham dự của người dân thông qua các hội làm ăn giỏi.*

Các hội của những người làm ăn giỏi được hình thành và hoạt động tốt sẽ có tác dụng rất tích cực với tiến trình đổi mới của địa phương. Hình thức hỗ trợ là giúp đỡ kinh nghiệm tổ chức "nghiên cứu tham dự" về công nghệ, hỗ trợ kinh phí để nghiên cứu thị trường, chọn và cải tạo giống, nghiên cứu thử nghiệm công nghệ nuôi, trồng, chăm sóc, bảo quản và chế biến. Hỗ trợ kinh tế nói chung không phải là cho cây giống, cho tiền

mua cây giống, hay cho tiền nói chung mà là cho vay theo luật ngân hàng có tính đến đặc điểm của hoạt động sản xuất trong từng ngành nghề, như nhu cầu đầu tư, thời hạn thu hồi vốn, hiệu quả nhiều mặt kinh tế-xã hội của hoạt động sản xuất v.v...

Những nghiên cứu tham dự của người dân để hoàn thiện hoạt động sản xuất có thể bao gồm: Tổng kết những kinh nghiệm và kiến thức địa phương về sử dụng đất và tài nguyên sinh học; quy hoạch vườn hộ gia đình, lựa chọn cơ cấu cây trồng và kỹ thuật trồng vườn; chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi phục vụ sự nghiệp phát triển bền vững kinh tế xã hội địa phương; áp dụng kỹ thuật canh tác đất dốc để nâng cao hiệu quả canh tác; cải tạo rừng trồng hiện có thành rừng hỗn giao cây rừng đa tác dụng với những loài cây ăn quả, nghiên cứu trồng rừng mới với những loài cây bản địa có hiệu quả kinh tế và sinh thái cao; xây dựng và hoàn thiện hệ thống canh tác nông lâm kết hợp và phát triển sản phẩm ngoài gỗ của rừng

** Tăng cường hoạt động của tổ chức khuyến nông.*

Với đặc điểm quan trọng là ở vùng nông thôn miền núi, trình độ dân trí nhìn chung là thấp, nền kinh tế ở đây mới chỉ đang dần thoát ra khỏi tình trạng tự cấp tự túc, vì thế việc đưa ra những chính sách hỗ trợ về mặt kỹ thuật, công nghệ có ý nghĩa rất quan trọng. Đối với các hộ gia đình trong vùng lòng hồ thủy điện Hoà Bình, hệ thống chính sách hỗ trợ kỹ thuật công nghệ nên tác động

theo các hướng chủ yếu:

- Tăng cường tiềm lực cho hệ thống tổ chức khuyến nông, khuyến lâm từ tỉnh đến tận các làng bản theo những hình thức linh hoạt, đặc biệt chú trọng đến các tổ chức khuyến nông, khuyến lâm tại cơ sở làng, xã, thôn, bản.

- Các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm ngoài việc phổ biến, chuyển giao kỹ thuật công nghệ, cần chú ý cả các hoạt động bồi dưỡng kiến thức về quản lý kinh tế cho các hộ gia đình, cung cấp các thông tin về thị trường, giá cả để các hộ có những quyết định chính xác trong sản xuất kinh doanh.

** Tiếp tục hoàn thiện chính sách đất đai đối với các hộ gia đình.*

Những vấn đề chủ yếu phải tiếp tục hoàn chỉnh trong chính sách giao đất khoán rừng gồm: Kiểm tra và điều chỉnh ranh giới đất đai của các hộ gia đình ở những nơi chưa rõ ràng; hình thành các quy ước của chính quyền xã, thôn, xóm và của từng nhóm hộ về việc bảo vệ quyền lợi và trách nhiệm của người sử dụng đất, rừng; quy hoạch sử dụng đất và kiểm tra, điều chỉnh các cam kết thực hiện quy hoạch sử dụng đất cho các hộ gia đình.

** Hoàn thiện những chính sách vĩ mô hướng người dân đến sử dụng bền vững đất, rừng.*

- Thực hiện thu thuế sử dụng tài nguyên rừng và đất.

- Thực hiện thu thuế bảo vệ và phát triển tài nguyên miền núi. Xét về mặt nguyên tắc thì mọi thành viên trong xã hội, từ miền xuôi

đến miền núi, từ công nghiệp đến nông nghiệp, từ thành thị đến nông thôn đều trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi do bảo vệ và phát triển tài nguyên miền núi mang lại, và như vậy, đóng thuế bảo vệ và phát triển tài nguyên miền núi là nghĩa vụ của mọi công dân. Tuy nhiên, Nhà nước phải có những chính sách quy định về thuế bảo vệ và phát triển tài nguyên miền núi cho từng loại đối tượng hưởng lợi khác nhau.

- Đảm bảo quyền lợi cho những người bảo vệ và phát triển tài nguyên miền núi thông qua thanh toán và chi trả cho những giá trị sinh thái được tạo ra. Nhà nước cần có chính sách thanh toán và chi trả thù lao cho những người có công trong bảo vệ và phát triển tài nguyên, đồng thời truy thu và xử phạt đối với những người sử dụng hoặc làm thiệt hại đến tài nguyên. Mức được chi trả hoặc truy thu hàng năm đối với một chủ sở hữu tài nguyên miền núi phụ thuộc vào mức gia tăng hoặc suy giảm số lượng, chất lượng tài nguyên. Về mặt nguyên tắc, cơ sở của việc thanh toán này là giá trị sinh thái của tài nguyên được tạo ra hàng năm nhờ sự quản lý của chủ sở hữu. Những kinh phí để chi trả cho sản phẩm sinh thái của tài nguyên được lấy từ thuế bảo vệ và phát triển tài nguyên miền núi.

Biên tập: Nghiêm Phú Ninh



Ngày 15/12/1999, tại Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Khoa văn hóa XHCN đã phối hợp với Trường đại học công nghệ Swinburne - Ôtrâlyia tổ chức hội thảo "Tác động của quá trình toàn cầu hóa tới cơ cấu gia đình". Đây là hội thảo khoa học lần thứ 4 kể từ khi hai bên ký biên bản ghi nhớ năm 1996. Tham dự hội thảo có ông Phạm Tất Dong - Phó Trưởng Ban khoa giáo Trung ương, ông SiLưưưưưưưưưư - Bộ trưởng Bộ VHTT Lào; các chuyên gia về xã hội học, các

khía cạnh tích cực cũng như tiêu cực của nó.

Phát biểu kết luận, GS.TS Trần Văn Bình - Trường Khoa văn hóa XHCN đã tóm tắt những kết luận chính của hội thảo, chỉ ra các tác động phức tạp của quá trình toàn cầu hóa trên các mặt kinh tế, xã hội và văn hóa, nghĩa là tác động mọi mặt đến đời sống một quốc gia, trong đó có cơ cấu gia đình. Ở các nước tư bản, tỷ lệ ly hôn, tái kết hôn có chiều hướng gia tăng. Nhưng đánh giá điều đó vẫn

"TÁC ĐỘNG CỦA QUÁ TRÌNH TOÀN CẦU HÓA TỚI CƠ CẤU GIA ĐÌNH"

nhà khoa học của Trường đại học công nghệ Swinburne. Tại hội thảo, các đại biểu đã trình bày 5 bản tham luận chính và nhiều ý kiến phát biểu thảo luận xung quanh vấn đề tác động toàn cầu tới gia đình và các

còn chưa thống nhất, có người cho rằng đó là sự đổ vỡ gia đình, có người lại cho rằng đó là sự lựa chọn cơ cấu gia đình..., nhưng đều cho rằng đó là nhân tố gia đình không ổn định. Chế độ xã hội, chính sách của Chính phủ về kinh tế, văn hóa... là rất quan trọng trong việc tác động tới chiều hướng phát triển của gia đình. Cần phải có thời gian để khảo sát các mẫu gia đình ở những nước có trình độ văn hóa khác nhau, đặc điểm văn hóa khác nhau để có sự đánh giá và làm sáng tỏ định hướng gia đình trong tương lai sẽ như thế nào. Điều này gợi ý đến sự hình thành của một dự án về "vấn đề toàn cầu hóa và gia đình" giữa Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Trường đại học công nghệ Swinburne nhằm làm rõ vấn đề này.

Tin và ảnh: Nguyễn Thị Hương Giang

Tạp chí ĐKKH